

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05/6/2025
V/v tranh chấp về ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoa

Ông Lâm Quang Tụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Trần Lại Khánh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2025/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp về ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm 1998.

Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1987.

Đều có địa chỉ: khu B, xã T, huyện P, tỉnh P.

(Chị H xin xét xử vắng mặt, anh N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Phan Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H và anh Trần Văn N tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện ngày 02/5/2018 tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại khu B, xã T, huyện P, tỉnh P. Thời gian đầu hôn nhân hòa thuận, hạnh phúc cho đến tháng 12/2024 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, hay cãi nhau và nhiều lần chị không được chồng

tôn trọng. Mỗi lần cãi nhau chị lại bị anh N dọa đuổi và ly hôn khiến chị rất mệt mỏi và áp lực. Nay chị xác định tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Hoàng Long N1, sinh ngày 20/6/2017. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu N1 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh N muốn nuôi dưỡng cháu N1 thì chị cũng đồng ý. Nếu anh N yêu cầu cấp dưỡng thì chị sẽ cấp dưỡng nuôi con cùng anh N mức 2.500.000đ/tháng trở xuống cho đến khi cháu Nhật thành N2, lao động tự túc được.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là anh Trần Văn N trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Anh nhất trí như quan điểm của chị H đã trình bày trong quá trình giải quyết về quá trình kết hôn, nơi kết hôn, thời gian chung sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh là do từ 12/2024 vợ chồng mâu thuẫn về tiền, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 12/2024 đến nay vợ chồng anh đã sống ly thân, chị H sống ở nơi khác và chặn số điện thoại của anh. Trong quá trình giải quyết vụ án anh xác định vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Trần Hoàng Long N1, sinh ngày 20/6/2017 như chị H trình bày là đúng. Hiện nay con chung đang ở cùng với anh. Khi ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt. Bị đơn có mặt có quan điểm đồng ý ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức vẫn giữ nguyên quan điểm như tại bản tự khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phan Thị Hái

Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị H và anh Trần Văn N.

Về con chung: Giao con chung cháu Trần Hoàng Long N1, sinh ngày 20/6/2017 cho anh Trần Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh N do anh N tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H và anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện P, tỉnh P nên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Phan Thị H trong quá trình toà án giải quyết vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phan Thị H và anh Trần Văn N đăng ký kết hôn ngày 02/5/2018 tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Lào Cai. Trước khi kết hôn anh, chị được tự do tìm hiểu, lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Xét thấy chị H và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh N đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn. Chị H xác định tình cảm không còn nên chị xin được ly hôn với anh N. Quá trình giải quyết vụ án anh N không đồng ý ly hôn vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh N có quan điểm đồng ý ly hôn với chị H. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh N hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc phù hợp với quy định của pháp luật vì vậy cần công nhận sự thuận tình ly hôn cho anh chị là phù hợp theo quy định của Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Phan Thị H và anh Trần Văn N đều thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Hoàng Long N1, sinh ngày 20/6/2017. Quá trình giải quyết vụ án chị H có quan điểm xin được nuôi dưỡng

cháu N1 và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh N muốn nuôi dưỡng cháu N1 thì chị cũng đồng ý. Nếu anh N yêu cầu cấp dưỡng thì chị sẽ cấp dưỡng nuôi con cùng anh N mức 2.500.000đ/tháng trở xuống cho đến khi cháu Nhật thành N2, lao động tự túc được. Tại phiên toà hôm nay, anh N có quan điểm xin được nuôi con chung và không đề nghị chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cả chị H và anh N đều đề nghị xin được nuôi con chung. Tuy nhiên, chị H cũng có quan điểm trong trường hợp anh N xin được nuôi con chung thì chị cũng đồng ý. Mặt khác hiện nay cháu Trần Hoàng Long N1 đang ở cùng với anh N. Tại bản tự khai của cháu N1 thể hiện nguyện vọng của cháu muốn được sống cùng bố. Do vậy, để đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc, học tập không làm ảnh hưởng, xáo trộn điều kiện sống của cháu N1 là con chung của chị H, anh N nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần giao con chung cháu Trần Hoàng Long N1, sinh ngày 20/6/2017 cho anh N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh N do anh N tự nguyện không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Phan Thị H và anh Trần Văn N đều xác định không đề nghị giải quyết vì vậy chưa giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Chị H và anh N chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên toà là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị H và anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Văn N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Trần Hoàng Long N1, sinh ngày 20/6/2017 cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được.

Về cấp dưỡng: Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh N do anh N tự nguyện không yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị H và anh Trần Văn N mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0001497 ngày 27/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh P. Trả lại cho chị H số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh P xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền hoãn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện P, tỉnh P;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã Đ.
- Lưu VP, HSVA

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Việt Hưng